

Số: 39 /GP-UBND

Tuyên Quang, ngày 15 tháng 10 năm 2019

GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản; Thông tư số 51/2017/TT-BTNMT ngày 30/11/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016;

Căn cứ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh: Quyết định số 02/2008/QĐ-UBND ngày 17/4/2008 về việc phê duyệt khu vực cấm, tạm cấm và hạn chế hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Quyết định số 514/QĐ-UBND ngày 31/12/2017 về việc Phê duyệt Báo cáo điều chỉnh, bổ sung “Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản tỉnh Tuyên Quang đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030”; Quyết định số 100/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2018 về việc bổ sung các điểm mỏ khoáng sản vào Quy hoạch đã được phê duyệt tại Quyết định số 514/QĐ-UBND ngày 31/12/2017; Quyết định số 13/2009/QĐ-UBND ngày 15/9/2009 về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng đến năm 2020 của tỉnh Tuyên Quang (*được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 12/2011/QĐ-UBND ngày 06/8/2011*);

Căn cứ Quyết định số 14/QĐ-UBND ngày 09/01/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt trữ lượng khoáng sản cát, sỏi trong "Báo cáo kết quả thăm dò cát, sỏi lòng sông Lô thuộc địa bàn thị trấn Tân Yên, xã Tân Thành, xã Yên Phú và xã Phù Lưu, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang";

Căn cứ Quyết định số 750/QĐ-UBND ngày 25/7/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Phương án cải tạo, phục hồi môi trường đối với Dự án đầu tư khai thác cát, sỏi lòng sông Lô thuộc địa bàn thị trấn Tân Yên, xã Tân Thành, xã Yên Phú và xã Phù Lưu, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Quyết định chủ trương đầu tư số 118/QĐ-UBND ngày 23/4/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc về chấp thuận nhà đầu tư dự án: Công ty cổ phần đầu tư khai khoáng Giang Phú;

Xét Đơn và hồ sơ xin khai thác khoáng sản ngày 18/9/2019 của Công ty cổ phần đầu tư khai khoáng Giang Phú (*địa chỉ: thôn Sông Lô 2, xã An Tường, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang*) nộp tại Sở Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 324/TTr-STNMT ngày 07/10/2019 về việc đề nghị cấp giấy phép khai thác cát, sỏi lòng sông Lô thuộc địa bàn thị trấn Tân Yên, xã Tân Thành, xã Yên Phú và xã Phù Lưu, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang; ý kiến thẩm định Thiết kế cơ sở dự án đầu tư khai thác mỏ số 141/TBTĐ-SXD ngày 20/5/2019 của Sở Xây dựng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty cổ phần đầu tư khai khoáng Giang Phú được khai thác cát, sỏi bằng phương pháp lộ thiên tại mỏ cát, sỏi lòng sông Lô thuộc địa bàn thị trấn Tân Yên, xã Tân Thành, xã Yên Phú và xã Phù Lưu, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang, với nội dung sau:

1. Diện tích khu vực khai thác: 370.000 m² (37,0 ha), được giới hạn bởi các điểm góc từ 1 đến 34. Các điểm góc có tọa độ xác định theo Phụ lục số 1 và Bản đồ tỷ lệ 1:5.000 hệ VN.2000 kèm theo (Phụ lục số 2) kèm theo Giấy phép này.

2. Mức sâu khai thác thấp nhất: Theo Phụ lục số 03 kèm theo Giấy phép này.

3. Trữ lượng

- Trữ lượng địa chất cấp 122 là: 717.218 m³.

- Trữ lượng khai thác cấp 122 là: 621.351 m³ (*trong đó: trữ lượng cát là 342.157 m³, trữ lượng sỏi là 279.194 m³*).

4. Phương pháp khai thác: Lộ thiên.

5. Công suất khai thác: 40.000 m³/năm (*trong đó: cát là 22.000 m³/năm, sỏi 18.000 m³/năm*).

6. Thời hạn khai thác: 16 năm, kể từ ngày ký giấy phép khai thác.

Điều 2. Công ty cổ phần đầu tư khai khoáng Giang Phú có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp phép khai thác khoáng sản, các khoản phí có liên quan theo quy định hiện hành.

2. Nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định.

3. Tiến hành hoạt động khai thác khoáng sản theo đúng tọa độ, diện tích, mức sâu, trữ lượng, công suất, quy định tại Điều 1 của Giấy phép này.

Sử dụng đúng số lượng, công suất thiết bị khai thác (tàu hút) đã được đăng ký, đăng kiểm và được Sở Xây dựng và Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định vào khai thác cát, sỏi và nộp bản đăng ký thiết bị khai thác, vận chuyển cát sỏi (*hồ sơ đăng ký, đăng kiểm của từng loại thiết bị, phương tiện khai thác, vận chuyển do cơ quan có thẩm quyền cấp*) cho Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng trước khi tiến hành khai thác.

Hoàn thành thủ tục và sử dụng đúng bến bãi tập kết cát, sỏi theo quy định.

4. Trước khi tiến hành khai thác phải nộp thiết kế mỏ được lập, thẩm định, phê duyệt theo đúng quy định của pháp luật cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định; báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường và địa phương nơi có mỏ kiểm tra tại thực địa, xác định tọa độ, mặt bằng khai thác và cấm mốc giới phạm vi khu vực được cấp phép khai thác; phải thực hiện thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất, ký hợp đồng thuê đất theo quy định của pháp luật.

5. Thực hiện đầy đủ nội dung Kế hoạch bảo vệ môi trường và Phương án cải tạo môi trường đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; thực hiện việc ký quỹ phục hồi môi trường theo quy định.

6. Trong quá trình khai thác, phải thực hiện đúng và đầy đủ các phương pháp, quy trình kỹ thuật, đảm bảo an toàn kỹ thuật, an toàn công trình mỏ; có các biện pháp phòng, chống các sự cố, bảo đảm an toàn lao động và các quy định khác có liên quan về an toàn trong khai thác mỏ; bảo đảm an toàn bờ sông, đê, kè, cống, cầu, các công trình khác trên sông, đảm bảo an toàn giao thông đường sông theo quy định của pháp luật.

Phải thu hồi tối đa sản phẩm khai thác từ mỏ và các sản phẩm khác (nếu có); báo cáo đúng sản lượng khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

7. Việc quản lý, sử dụng các sản phẩm khai thác, chế biến theo quy định của pháp luật hiện hành. Phải lắp đặt trạm cân, lắp camera tại địa điểm xuất hành, việc xuất hàng phải có hóa đơn chứng từ hợp pháp; cấp hàng vận chuyển phải đúng tải trọng cho phép không làm ảnh hưởng đến môi trường, cấp đường giao thông.

8. Thường xuyên kiểm tra, kiểm soát các khu vực khai thác, chế biến, công trình phụ trợ và các khu vực khác có liên quan; bảo vệ tài nguyên khoáng sản, bảo đảm an toàn trật tự mỏ theo quy định của pháp luật;

Trường hợp có dấu hiệu không đảm bảo an toàn, phải dừng ngay hoạt động khai thác, chế biến, đồng thời có biện pháp khắc phục kịp thời và báo cáo ngay bằng văn bản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

9. Thực hiện việc đóng cửa mỏ; phục hồi môi trường, đất đai sau khai thác; báo cáo định kỳ trong hoạt động khoáng sản theo quy định của pháp luật về khoáng sản và các quy định khác có liên quan.

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trước khi tiến hành khai thác, Công ty cổ phần đầu tư khai khoáng Giang Phú phải thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Giấy phép này; nộp cho Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Công Thương, Sở Xây dựng Thiết kế mỏ đã được người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định; đăng ký ngày bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, ngày bắt đầu khai thác, thông báo về Giám đốc điều hành mỏ, kế hoạch khai thác, chế biến tại cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền theo quy định.

Điều 4. Giao trách nhiệm Giám đốc sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Công Thương, Lao động Thương binh và Xã hội; Giám đốc Công an tỉnh, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân huyện Hàm Yên và thủ trưởng các cơ quan liên quan theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn:

Hướng dẫn, kiểm tra quá trình tổ chức hoạt động khoáng sản theo Giấy phép này của Công ty cổ phần đầu tư khai khoáng Giang Phú đảm bảo hoàn thành nghĩa vụ, trách nhiệm theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Công ty CPĐT khai khoáng Giang Phú (bản chính);
- UBND tỉnh (bản chính);
- Chủ tịch UBND tỉnh (bản sao);
- PCT UBND tỉnh Phụ trách TNMT (bản sao);
- Tổng cục Địa chất và Khoáng sản VN (bản sao);
- Sở TNMT (bản chính);
- UBND huyện:Hàm Yên (bản sao);
- Công an tỉnh (bản sao);
- Chuyên viên KS (bản sao);
- Lưu VT, (Đ3).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đình Quang

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYỀN QUANG**

Phụ lục 1

RANH GIỚI, TOẠ ĐỘ KHU VỰC KHAI THÁC

(Kèm theo Giấy phép khai thác số 39/GP-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyền Quang)

Vị trí, diện tích	Điểm góc	Toạ độ VN.2000 (Kinh tuyến trục 106 ⁰ , múi chiếu 3 ⁰)	
		X (m)	Y (m)
S = 37,0 ha	1	²⁴ 47.232	³ 97.964
	2	²⁴ 47.311	³ 98.027
	3	²⁴ 46.278	³ 98.598
	4	²⁴ 46.018	³ 98.839
	5	²⁴ 45.811	³ 98.929
	6	²⁴ 45.567	³ 98.946
	7	²⁴ 45.250	³ 99.019
	8	²⁴ 44.723	³ 99.000
	9	²⁴ 44.519	³ 99.040
	10	²⁴ 44.316	³ 99.327
	11	²⁴ 44.129	³ 99.439
	12	²⁴ 43.908	³ 99.429
	13	²⁴ 43.534	³ 99.510
	14	²⁴ 43.366	³ 99.633
	15	²⁴ 43.236	³ 99.809

Vị trí, diện tích	Điểm góc	Toạ độ VN.2000 (Kinh tuyến trục 106 ⁰ , múi chiếu 3 ⁰)	
		X (m)	Y (m)
S = 37,0 ha	16	²⁴ 43.088	³ 99.850
	17	²⁴ 42.621	³ 99.829
	18	²⁴ 42.612	³ 99.760
	19	²⁴ 43.100	³ 99.765
	20	²⁴ 43.207	³ 99.718
	21	²⁴ 43.425	³ 99.548
	22	²⁴ 43.562	³ 99.397
	23	²⁴ 43.915	³ 99.373
	24	²⁴ 44.099	³ 99.382
	25	²⁴ 44.239	³ 99.303
	26	²⁴ 44.438	³ 99.019
	27	²⁴ 44.594	³ 98.964
	28	²⁴ 44.811	³ 98.959
	29	²⁴ 45.063	³ 98.983
	30	²⁴ 45.758	³ 98.873
	31	²⁴ 46.274	³ 98.539
	32	²⁴ 46.462	³ 98.334
33	²⁴ 46.693	³ 98.282	
34	²⁴ 46.934	³ 98.178	

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG**

Phụ lục 3

MỨC SÂU KHAI THÁC THẤP NHẤT

(Kèm theo Giấy phép khai thác số 39 /GP-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

Khối trữ lượng	Chiều dày khai thác (m)	Mức sâu khai thác thấp nhất (cos +m)	Ghi chú
1-122	2,1	27,1	
2-122	1,9	27,1	
3-122	1,6	28,3	
4-122	1,9	27,3	
5-122	2,3	27,8	
6-122	2,2	28,3	
7-122	2,0	28,8	
8-122	1,8	28,3	
9-122	2,1	27,2	
10-122	2,3	26,6	
11-122	1,9	28,4	
12-122	1,9	27,3	
13-122	1,9	29,2	